

PHỤ LỤC
QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

(ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH					
I		Lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản			
1. Tên TTHC: Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra thông thường thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường - Mã số TTHC: 1.003814 Một phần					
Bước thực hiện	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Phí, lệ phí	Ghi chú
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính)	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Nộp trực tuyến qua Cổng DVC quốc gia tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn/	0,25 ngày làm việc	Không	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1908/QĐ-BNNMT ngày 25/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (có hiệu lực từ 19/5/2026)
Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	- Lãnh đạo phòng Trồng trọt/ phòng Quản lý chất lượng (Chi cục Phát triển nông thôn); - Lãnh đạo phòng Chăn nuôi/ phòng Thú y/ phòng Thủy sản (Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản)	0,25 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	- Chuyên viên phòng Trồng trọt/ phòng Quản lý chất lượng (Chi cục Phát triển nông thôn); - Chuyên viên phòng Chăn nuôi/phòng Thú y/ phòng Thủy sản (Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản)	1,5 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt kết quả	Lãnh đạo Sở	1 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	0,25 ngày làm việc		

Tổng cộng thời gian giải quyết			03 ngày làm việc		
2	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra thông thường thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường - Mã số TTHC: 2.001604 Một phần				
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; - Nộp trực tuyến qua Cổng DVC quốc gia tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn/	0,5 ngày làm việc	Không	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1908/QĐ-BNNMT ngày 25/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (có hiệu lực từ 19/5/2026)
Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	- Lãnh đạo phòng Trồng trọt/ phòng Quản lý chất lượng (Chi cục Phát triển nông thôn);	0,5 ngày làm việc		
		- Lãnh đạo phòng Chăn nuôi/ phòng Thú y/ phòng Thủy sản (Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản)			
Bước 3	Xử lý hồ sơ	- Chuyên viên phòng Trồng trọt/ phòng Quản lý chất lượng (Chi cục Phát triển nông thôn);	4,5 ngày làm việc		
		- Chuyên viên phòng Chăn nuôi/phòng Thú y/ phòng Thủy sản (Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản)			
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân)			07 ngày làm việc		
II	Lĩnh vực Khoa học và công nghệ				

1 Công nhận tiên bộ kỹ thuật. Mã số thủ tục: 2.001576 Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính)	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Nộp trực tuyến qua Cổng DVC quốc gia tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn/	0,5 ngày làm việc	Không	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1869/QĐ-BNNMT ngày 22/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (có hiệu lực từ 01/7/2026) Thủ tục này chỉ áp dụng đối với tiến bộ kỹ thuật áp dụng trên địa bàn 01 tỉnh
Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	- Lãnh đạo phòng Khoáng sản và Thủy lợi;	01 ngày làm việc		
		- Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn;			
		- Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản			
		- Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm			
Bước 3	Xử lý hồ sơ	- Chuyên viên phòng Khoáng sản và Thủy lợi;	19 ngày làm việc		
		- Chuyên viên phòng Trồng trọt/ phòng Quản lý chất lượng/ phòng Kinh tế hợp tác/ Phát triển nông thôn (Chi cục Phát triển nông thôn);			
		- Chuyên viên phòng Chăn nuôi/phòng Thú y/ phòng Thủy sản (Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản)			
		- Chuyên viên phòng Phát triển rừng (Chi cục Kiểm lâm)			
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	2 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân)			23 ngày làm việc		

PHẦN B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI BỔ SUNG

I	Lĩnh vực trồng trọt và Bảo vệ thực vật				
1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật; Mã số thủ tục: 1.004363 Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính)	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Nộp trực tuyến qua Cổng DVC quốc gia tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn/	0,5 ngày làm việc	800.000 đồng/lần	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1883/QĐ-BNNMT ngày 22/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Thủ tục này đã được ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường theo QĐ 1372/QĐ-UBND ngày 7/4/2025 của UBND tỉnh
Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Trồng trọt	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Trồng trọt	11 ngày làm việc		
Bước 4	Trình phê duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	2 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân)			15 ngày làm việc		
II	Lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản				
1	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản - Mã số TTHC: 2.001827 Một phần				

Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính)	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Nộp trực tuyến qua Cổng DVC quốc gia tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn/	0,5 ngày	700.000 đồng/ cơ sở	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1908/QĐ-BNNMT ngày 25/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Thủ tục này đã được ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường theo QĐ 1372/QĐ-UBND ngày 7/4/2025 của UBND tỉnh
Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	- Lãnh đạo phòng Trồng trọt/ phòng Quản lý chất lượng (Chi cục Phát triển nông thôn); - Lãnh đạo phòng Chăn nuôi/ phòng Thú y/ phòng Thủy sản (Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản)	0,5 ngày		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	- Chuyên viên phòng Trồng trọt/ phòng Quản lý chất lượng (Chi cục Phát triển nông thôn); - Chuyên viên phòng Chăn nuôi/phòng Thú y/ phòng Thủy sản (Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản)	12 ngày		
Bước 4	Trình phê duyệt hồ sơ	- Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn - Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày		
Bước 5	Phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày		
Bước 6	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	0,5 ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân)			15 ngày		
2	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường - Mã số TTHC: 2.001730 Một phần				

Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính)	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Nộp trực tuyến qua Cổng DVC quốc gia tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn/	0,25 ngày làm việc	Phí thẩm định và chứng nhận mẫu dịch tự do (FSC), giấy chứng nhận sản phẩm thuốc (CPP), các giấy chứng nhận thuốc thú y để xuất khẩu: 180.000 đồng/01 loại thuốc. - Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận thức ăn chăn nuôi lưu hành tự do tại Việt Nam: 350.000 đồng/01 sản phẩm/lần.	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1908/QĐ-BNNMT ngày 25/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Thủ tục này đã được ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường theo QĐ 1372/QĐ-UBND ngày 7/4/2025 của UBND tỉnh
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	- Lãnh đạo phòng Trồng trọt/ phòng Quản lý chất lượng (Chi cục Phát triển nông thôn); - Lãnh đạo phòng Chăn nuôi/ phòng Thú y/ phòng Thủy sản (Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản)	0,25 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	- Chuyên viên phòng Trồng trọt/ phòng Quản lý chất lượng/ phòng Kinh tế hợp tác/ Phát triển nông thôn (Chi cục Phát triển nông thôn); - Chuyên viên phòng Chăn nuôi/phòng Thú y/ phòng Thủy sản (Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản)	1,5 ngày làm việc		
Bước 4	Trình phê duyệt hồ sơ	- Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn - Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,25 ngày làm việc		
Bước 5	Phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở	0,5 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	0,25 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân)			03 ngày làm việc		
3	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước - Mã số TTHC: 1.003111 Một phần				

Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Nộp trực tuyến qua Cổng DVC quốc gia tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn/	0,5 ngày làm việc	Đánh giá lần đầu 32.000.000 đồng/lần/phòng kiểm nghiệm.	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1908/QĐ-BNNMT ngày 25/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	- Lãnh đạo phòng Trồng trọt/ phòng Quản lý chất lượng (Chi cục Phát triển nông thôn); - Lãnh đạo phòng Chăn nuôi/ phòng Thú y/ phòng Thủy sản (Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản)	01 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	- Chuyên viên phòng Trồng trọt/ phòng Quản lý chất lượng (Chi cục Phát triển nông thôn); - Chuyên viên phòng Chăn nuôi/phòng Thú y/ phòng Thủy sản (Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản)	31 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	02 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết (không bao gồm thời gian đánh giá năng lực thực tế tại cơ sở kiểm nghiệm, thời gian khắc phục của cơ sở kiểm nghiệm)			35 ngày làm việc		
4	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2007 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025:2005 - Mã số TTHC: 1.003082 Một phần				

Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Nộp trực tuyến qua Cổng DVC quốc gia tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn/	0,5 ngày làm việc	Đánh giá lần đầu 32.000.000 đồng/lần/phòng kiểm nghiệm..	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1908/QĐ-BNNMT ngày 25/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (có hiệu lực từ 19/5/2026)
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	- Lãnh đạo phòng Trồng trọt/ phòng Quản lý chất lượng (Chi cục Phát triển nông thôn); - Lãnh đạo phòng Chăn nuôi/ phòng Thú y/ phòng Thủy sản (Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản)	01 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	- Chuyên viên phòng Trồng trọt/ phòng Quản lý chất lượng (Chi cục Phát triển nông thôn); - Chuyên viên phòng Chăn nuôi/phòng Thú y/ phòng Thủy sản (Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản)	26 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	02 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết (không bao gồm thời gian đánh giá năng lực thực tế tại cơ sở kiểm nghiệm, thời gian khắc phục của cơ sở kiểm nghiệm)			30 ngày làm việc		
5	Gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước - Mã số TTHC: 1.003058 Một phần				

Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Nộp trực tuyến qua Cổng DVC quốc gia tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn/	0,5 ngày làm việc	Đánh giá gia hạn 22.500.000 đồng/lần/phòng kiểm nghiệm .	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1908/QĐ-BNNMT ngày 25/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (có hiệu lực từ 19/5/2026)
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	- Lãnh đạo phòng Trồng trọt/ phòng Quản lý chất lượng (Chi cục Phát triển nông thôn);	01 ngày làm việc		
		- Lãnh đạo phòng Chăn nuôi/ phòng Thú y/ phòng Thủy sản (Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản)			
Bước 3	Xử lý hồ sơ	- Chuyên viên phòng Trồng trọt/ phòng Quản lý chất lượng (Chi cục Phát triển nông thôn);	31 ngày làm việc		
		- Chuyên viên phòng Chăn nuôi/phòng Thú y/ phòng Thủy sản (Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản)			
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	02 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết (không bao gồm thời gian đánh giá năng lực thực tế tại cơ sở kiểm nghiệm, thời gian khắc phục của cơ sở kiểm nghiệm)			35 ngày làm việc		
6	Thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước - Mã số TTHC: 2.001254 Một phần				

Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Nộp trực tuyến qua Cổng DVC quốc gia tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn/	0,5 ngày làm việc	Đánh giá thay đổi, bổ sung 22.500.000 đồng/lần/phòng kiểm nghiệm	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1908/QĐ-BNNMT ngày 25/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (có hiệu lực từ 19/5/2026)
Bước 2	Chuyên xử lý hồ sơ	- Lãnh đạo phòng Trồng trọt/ phòng Quản lý chất lượng (Chi cục Phát triển nông thôn);	01 ngày làm việc		
		- Lãnh đạo phòng Chăn nuôi/ phòng Thú y/ phòng Thủy sản (Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản)			
Bước 3	Xử lý hồ sơ	- Chuyên viên phòng Trồng trọt/ phòng Quản lý chất lượng (Chi cục Phát triển nông thôn);	31 ngày làm việc		
		- Chuyên viên phòng Chăn nuôi/phòng Thú y/ phòng Thủy sản (Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản)			
Bước 4	Trình phê duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	02 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết (không bao gồm thời gian đánh giá năng lực thực tế tại cơ sở kiểm nghiệm, thời gian khắc phục của cơ sở kiểm nghiệm)			35 ngày làm việc		
III	Lĩnh vực Đo đạc và bản đồ				
1. Cấp, gia hạn, cấp lại, cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II, mã TTHC 1.000049 (Một phần)					
1.1. Trường hợp Cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II					

<i>a) Trường hợp đã có kết quả sát hạch</i>					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	0,25 ngày làm việc	Không	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1931/QĐ-BNNMT ngày 26/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
Bước 2	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng Đất đai	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Kiểm tra sự đầy đủ và tính hợp lệ của hồ sơ, tổng hợp hồ sơ và in chứng chỉ hành nghề, vào sổ theo dõi, trình ký hoặc soạn thảo văn bản thông báo trả lời các trường hợp không đủ điều kiện.	Chuyên viên Phòng Đất đai	05 ngày làm việc		
Bước 4	Ký cấp Chứng chỉ hành nghề	Lãnh đạo Sở	01 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả giải thủ tục hành chính	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	0,25 ngày làm việc		
Tổng thời gian giải quyết			07 ngày làm việc		
<i>b) Trường hợp chưa có kết quả sát hạch</i>					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	0,25 ngày làm việc	Không	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1931/QĐ-BNNMT ngày 26/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
Bước 2	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng Đất đai	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Kiểm tra sự đầy đủ và tính hợp lệ của hồ sơ, soạn thảo văn bản trả lời các trường hợp không đủ điều kiện (nếu có)	Chuyên viên Phòng Đất đai	01 ngày làm việc		

	Chờ kết quả sát hạch kinh nghiệm nghề nghiệp và kiến thức pháp luật		Ngưng quy trình (theo quy định tại điểm 2, Khoản 19 Điều 1 Nghị định số 136/2021/NĐ-CP)		
	Tổng hợp hồ sơ, in chứng chỉ hành nghề, vào sổ theo dõi, trình ký	Chuyên viên Phòng Đất đai	04 ngày làm việc		
Bước 4	Ký cấp Chứng chỉ hành nghề	Lãnh đạo Sở	01 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả giải quyết TTHC	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	0,25 ngày làm việc		
Tổng thời gian giải quyết			07 ngày làm việc		
1.2. Gia hạn/cấp lại/cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	0,25 ngày làm việc	Không	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 1931/QĐ-BNNMT ngày 26/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
Bước 2	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng Đất đai	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Kiểm tra thông tin về chứng chỉ hành nghề đã cấp, hoàn thành việc cấp lại/cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hoặc thông báo bằng văn bản hoặc thư điện tử cho cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ về yêu cầu hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định.	Chuyên viên Phòng Đất đai	1,5 ngày làm việc		

	In chứng chỉ hành nghề, vào sổ theo dõi, trình ký			
Bước 4	Ký cấp Chứng chỉ hành nghề	Lãnh đạo Sở	0,5 ngày làm việc	
Bước 5	Trả kết quả giải quyết TTHC	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	0,25 ngày làm việc	
Tổng thời gian giải quyết			03 ngày làm việc	
IV	Lĩnh vực Môi trường			
1	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường mã thủ tục: 1.010733 Một phần			
Thủ tục hành chính này chỉ được sửa đổi, bổ sung về đối tượng thực hiện thủ tục hành chính, không làm thay đổi trình tự, cách thức và quy trình giải quyết hồ sơ. Do đó, tiếp tục áp dụng quy trình giải quyết thủ tục hành chính điện tử đã được ban hành kèm theo Quyết định số 1655/QĐ-UBND ngày 28/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh.				